

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2024/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 6 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2024 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 3041/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2024-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học và cơ sở giáo dục công lập khác trên địa bàn tỉnh có chức năng thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập*).

#### 2. Đối tượng áp dụng:

- Trẻ em mầm non, học sinh, học viên (*sau đây gọi chung là học sinh*) tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thu học phí và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### Điều 2. Mức thu học phí

1. Mức học phí từ năm học 2024-2025 (*Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên*), như sau:

Vùng	Mức thu học phí theo đối tượng áp dụng (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)			Thời gian thu
	Mầm non	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
Khu vực I	30.000	35.000	45.000	Thu 9 tháng/ năm học
Khu vực II	15.000	20.000	30.000	
Khu vực III	8.000	10.000	25.000	

Mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập dùng làm căn cứ để nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, như sau: khu vực I: 30.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực II: 15.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực III: 8.000 đồng/tháng/học sinh.

2. Quy định về khu vực, vùng áp dụng thu học phí: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; cụ thể:

a) Khu vực III: Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg và các thôn, buôn, bon đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND.

b) Khu vực II: Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (*trừ các thôn đặc biệt khó khăn*).

c) Khu vực I: Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

d) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I.

3. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục; cấp trực tiếp tiền hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học theo mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

5. Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

6. Trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng, mức thu học phí thực hiện như sau:

a) Thời gian dạy học trực tiếp; trực tuyến trong tháng từ 14 ngày trở xuống: Không thực hiện thu học phí.

b) Thời gian dạy học trực tiếp trong tháng từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng: Thực hiện thu học phí bằng 1/2 tháng của mức học phí được quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Thời gian dạy học trực tuyến trong tháng từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng: Thực hiện thu học phí bằng 1/2 tháng của mức học phí dạy học trực tuyến được quy định tại khoản 5 Điều này.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 10 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 7 năm 2024./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Các bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh; UBNDTTQ tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị xã hội tỉnh;
- Các ban Đảng của Tỉnh ủy; Trường chính trị tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CTHĐ, HC-TC-QT, HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Quang B Krông**